

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2020
V/v Ly hôn giữa chị H và
anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân
2. Ông Từ Tuấn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số nhà xxx, đường T, Thị trấn T, huyện T, Thành phố H

Bị đơn: Anh Kiều Thanh V, sinh năm 1967 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Số nhà xxx, đường T, Thị trấn T, huyện T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31 tháng 12 năm 1997, chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị Trấn T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh V sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ và chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị H đã chấm dứt quan hệ tình cảm với anh V từ năm 2017. Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V có hai con chung là cháu Kiều Thu T, sinh năm 1999 và cháu Kiều Thu H, sinh năm 2000. Cháu Kiều Thu T và cháu Kiều Thu H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Kiều Thanh V không đến Tòa án để quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh Kiều Thanh V trình bày: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh V sống cùng với bà Ngọa tại số nhà xxx, đường T, Thị Trấn T, huyện T, Thành phố H. Trong quá trình chung sống, chị H và anh V có cãi nhau, có phát sinh mâu thuẫn nhưng không thường xuyên và không trầm trọng. Tuy nhiên, thời gian gần đây, bà N nhận thấy chị H và anh V ít nói chuyện với nhau. Anh chị có hai con chung là cháu Kiều Thu T, sinh năm 1999 và cháu Kiều Thu H, sinh năm 2000. Do vẫn sống chung nhà với bà N nên chị H và anh V không có tài sản chung. Bà N đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh V đoàn tụ.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Kiều Thu T là con của chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V trình bày: Khoảng hai năm gần đây, chị H và anh V rất ít khi nói chuyện với nhau và nếu có nói chuyện thì thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bên cạnh đó, chị H và anh V đã không ngủ chung phòng cách đây 3 năm. Cháu Tg nhận thấy chị H và anh V

khó có khả năng đoàn tụ nếu anh V không thay đổi tính cách. Tuy nhiên, cháu T đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh V đoàn tụ.

Tại phiên tòa: Chị Đỗ Thị Thu H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân Thị Trấn T, huyện T, TP. H cung cấp: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/1997 tại Ủy ban nhân dân Thị Trấn T, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V sống tại số nhà xxx, đường T, Thị Trấn T, huyện T, Thành phố H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên chị Hiền đã nộp đơn xin ly hôn anh Vân trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T. Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V có hai con chung là cháu Kiều Thu T, sinh năm 1999 và cháu Kiều Thu H, sinh năm 2000. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân Thị Trấn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Kiều Thanh V; Về con chung: Do cháu Kiều Thu T và cháu Kiều Thu H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung vợ chồng: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Đỗ Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và các vấn đề khác với anh Kiều Thanh V, sinh năm 1967, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại số nhà xxx, đường T, Thị Trấn T, huyện T, Thành phố H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V kết hôn vào ngày 31/12/1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị Trấn T, huyện T, TP. H. Chị H và anh V kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị H và anh V đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2017 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh V đoàn tụ nhưng không thành do chị H cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm được hai năm, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh V, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Trong khi đó, anh Kiều Thanh V không đến tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh V là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V có hai con chung là cháu Kiều Thu T, sinh năm 1999 và cháu Kiều Thu H, sinh năm 2000. Cháu Kiều Thu T và cháu Kiều Thu H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi.

3.3] Về tài sản vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.4] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/00121111 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Kiều Thanh V.
2. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Kiều Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/00121111 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.
4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T;*
- *Ủy ban nhân dân Thị trấn T*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa